TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Dũng

Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST- HNGGĐ ngày 23/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Tăng Thị Mỹ T1, sinh năm: 1996
HKTT: ấp 2, xã SN, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
Chổ ở: 498/8 Lý thường Kiệt, tổ 17, Phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.
- *Bị đơn:* anh Trần Giang T2, sinh năm: 1980
Địa chỉ: ấp 2, xã SN, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Tăng Thị Mỹ T1 trình bày: chị và anh Trần Giang T2 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Sông Nhạn. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 không quan tâm, không lo lắng cho vợ, sống ỷ lại. Hai vợ chồng không có quan điểm chung về kinh tế cụ thể: Anh T2 chỉ biết đi làm lương bao nhiêu thì đưa cho vợ chứ không quan tâm đến các khoản chi tiêu khác. Mâu thuẫn này kéo dài, chị đã khuyên anh T2 nhiều lần nhưng không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân thì hai vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi ly thân thì tôi sống ở Lâm Đồng còn anh Thanh sống thuê nhà trọ tại xã Lộ 25 để đi dạy học. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu: Xin ly hôn; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Giang T2 trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì anh vẫn quan tâm lo lắng cho vợ chứ không như chị T1 trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề kinh tế: do trước khi cưới nhau tôi có vay ngân hàng nên khi đi làm lương tôi phải trả ngân hàng nên không đưa tiền lương cho vợ nhiều nên vợ chồng cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ, về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị T1 ly hôn anh T2; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng: chị Tăng Thị Mỹ T2 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên xác định nên xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó xác định chị T2 là nguyên đơn, anh T2 là bị đơn.

[2] về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Tăng Thị Mỹ T1 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Giang T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T2 vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Tăng Thị Mỹ T1 và anh Trần Giang T2 đã đăng ký kết hôn và được UBND xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh

Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 30/12/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T1 nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 không quan tâm, lo lắng cho vợ con. Vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Anh T2 không thừa nhận việc không quan tâm vợ nhưng anh cũng thừa nhận là vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Xét thấy anh chị mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình kéo dài không hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Thời gian ly thân dài nhưng anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên nhận thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, làm cho hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T1 ly hôn với anh T2.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị Tăng Thị Mỹ T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của BLTTDS; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị Mỹ T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Tăng Thị Mỹ T1 ly hôn anh Trần Giang T2.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: chị Tăng Thị Mỹ T1 phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001155 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T1 đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã S;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Trung